TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2026/DS-ST
Ngày: 28-8-2026.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thúc Liêu và bà Lê Thị Chinh.

- Thư ký phiên toà*:* Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1089/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 1124/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V1), trụ sở chính tại: Số H đường L, phường G, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức danh - Chủ tịch HĐQT; người đại diện tham gia tố tụng: Ông Đỗ Thành Đ – chức danh: Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ liên hệ: Số A đường P, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản uỷ quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch HĐQT và Văn bản uỷ quyền số: 746/2026/UQ-KHCN4-RCC4 ngày 13/5/2026 của Trưởng Phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 4, có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị Mai T - sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048192004374, cấp ngày: 11/8/2021 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng ngày 25 tháng 3 năm 2026, các bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2026, ngày 15 tháng 6 năm 2026, ngày 07 tháng 8 năm 2026 và tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) có cho bà Đoàn Thị Mai T vay tiền thông qua 03 hợp đồng tín dụng khác nhau, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã cam kết, cụ thể như sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày ngày 22/11/2023:

+ Số tiền vay: 299.200.000đ (hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng);

+ Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống;

+ Thời hạn vay: 60 tháng;

+ Lãi suất: Tối đa 30% được cố định trong suốt thời hạn cho vay;

+ Lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, bà Đoàn Thị Mai T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/10/2025 đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 28/08/2026, tổng số tiền phải trả là 298.494.279đ (hai trăm chín mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 228.794.387đ (hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn: 464.149đ (bốn trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn: 69.235.743đ (sáu mươi chín triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng).

- Hợp đồng cho vay số: LD2428402196 ngày 10/10/2024:

+ Số tiền vay: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

+ Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống;

+ Thời hạn vay: 60 tháng;

+ Lãi suất: 25.5%/năm, được cố định trong suốt thời hạn cho vay;

+ Lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất trong hạn;

+ Về trả nợ: Trả gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng, trả trong 60 kỳ, kỳ đầu tiền trả vào ngày 03/11/2024.

Quá trình thực hiện, bà Đoàn Thị Mai T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/10/2025 đối với V1, tạm tính đến ngày 28/08/2026 số tiền còn nợ là 46.488.568đ (bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 34.223.839đ (ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn: 408.901đ (bốn trăm lẻ tám nghìn chín trăm lẻ một đồng); nợ lãi quá hạn: 11.855.828đ (mười một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày ngày 14/10/2024:

+ Hạn mức thẻ tín dụng: 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng);

+ Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống;

+ Thời hạn vay: 60 tháng;

+ Lãi suất: 2.99%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ của V1;

+ Lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất trong hạn;

Quá trình thực hiện, bà Đoàn Thị Mai T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 07/11/2025 đối với V1, tạm tính đến ngày 28/08/2026 bà T còn nợ số tiền là 83.619.205đ (tám mươi ba triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm lẻ năm đồng), trong đó: Nợ gốc: 56.309.618đ (năm mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười tám đồng), nợ lãi quá hạn: 27.309.587đ (hai trăm bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười tám đồng).

Sau khi bà Đoàn Thị Mai T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã tiến hành làm việc và trao đổi nhiều lần nhưng bà T không hợp tác, không thanh toán. Vì thế, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T phải trả tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/8/2026 là 428.602.052đ (bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn không trăm năm mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 319.327.844đ (ba trăm mười chín triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi: 109.274.208đ (một trăm lẻ chín triệu hai trăm bảy mười bốn nghìn hai trăm lẻ tám đồng).

Bị đơn bà Đoàn Thị Mai T đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Đoàn Thị Mai T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP V đã cho bà Đoàn Thị Mai T vay tín dụng thông qua 03 hợp đồng cụ thể: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày ngày 22/11/2023; Hợp đồng cho vay số: LD2428402196 ngày 10/10/2024; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/10/2024; tổng số tiền gốc bà T vay là 399.200.000đ (ba trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Đến ngày 03/10/2025 và ngày 07/11/2025 bà T lần lượt vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ mỗi hợp đồng tín dụng và cho đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện; bà T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Xét thấy các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Bà Đoàn Thị Mai T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn theo thoả thuận nên Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng, khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, Bản Điều kiện giao dịch chung đã cam kết.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Đoàn Thị Mai T thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/8/2026 của cả 03 hợp đồng tín dụng là 428.602.052đ (bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn không trăm năm mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 319.327.844đ (ba trăm mười chín triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi: 109.274.208đ (một trăm lẻ chín triệu hai trăm bảy mười bốn nghìn hai trăm lẻ tám đồng). Ngoài ra, đại diện Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh do chậm trả đối với số tiền nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn tại mỗi hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy yêu cầu thanh toán của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Bản điều kiện giao dịch chung của Ngân hàng, hợp đồng mà hai bên đã ký kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Bà Đoàn Thị Mai T phải chịu 21.144.000đ (hai mươi mốt triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 và 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Đoàn Thị Mai T về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc bà Đoàn Thị Mai T phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 28/8/2026 của 03 hợp đồng tín dụng là 428.602.052đ (bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn không trăm năm mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 319.327.844đ (ba trăm mười chín triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi: 109.274.208đ (một trăm lẻ chín triệu hai trăm bảy mười bốn nghìn hai trăm lẻ tám đồng), cụ thể của mỗi hợp đồng tín dụng như sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/11/2023: Nợ gốc: 228.794.387đ (hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng); nợ lãi trong hạn: 464.149đ (bốn trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn: 69.235.743đ (sáu mươi chín triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng).

- Hợp đồng cho vay số: LD2428402196 ngày 10/10/2024: Nợ gốc: 34.223.839đ (ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn: 408.901đ (bốn trăm lẻ tám nghìn chín trăm lẻ một đồng); nợ lãi quá hạn: 11.855.828đ (mười một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/10/2024: Nợ gốc: 56.309.618đ (năm mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười tám đồng); nợ lãi quá hạn: 27.309.587đ (hai trăm bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Đoàn Thị Mai T còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng tại mỗi hợp đồng tín dụng, Bản điều kiện giao dịch chung của Ngân hàng TMCP V mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Mai T phải chịu 21.144.000đ (hai mươi mốt triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.019.500đ *(chín triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu số 0003929 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/8/2026). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV4 - Đà Nẵng;
- Phòng THADSKV4 - Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn